

Số: 52/2020/QĐST-HNGĐ

Quang Bình, ngày 31 tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 51/2020/TLST-HNGĐ ngày 15/7/2020 về việc khởi kiện ly hôn, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nông Thị V, sinh năm 1982; dân tộc: Tày; nghề nghiệp: Cán bộ; nơi cư trú: Tổ 3, thị trấn Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thế A, sinh năm 1982; dân tộc: Kinh; nghề nghiệp: Cán bộ; nơi cư trú: Tổ 3, thị trấn Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang.

Căn cứ vào khoản 3, 4 Điều 147, khoản 1, 2 Điều 212, khoản 1 Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 6; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23/7/2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23/7/2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nông Thị V và anh Nguyễn Thế A.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị V và anh Nguyễn Thế A tự nguyện thuận tình ly hôn.

b. Về nuôi con chung: Chị Nông Thị V trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Thùy D sinh ngày 03/4/2007; anh Nguyễn Thế A trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tiến H sinh ngày 20/02/2015, các bên không phải cấp dưỡng nuôi cho nhau.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

c. Về tài sản, công nợ chung:

Chị Nông Thị V và anh Nguyễn Thế A đã tự nguyện thỏa thuận phân chia xong và yêu cầu tòa án công nhận trong bản án, quyết định của tòa án.

* Chị Nông Thị V là người sử dụng, định đoạt khối tài sản gồm:

- Diện tích đất: 103,5m², thửa số 65, tờ bản đồ số: Quy hoạch chi tiết khu dân cư A lô 2, TT huyện lỵ, địa chỉ: Tổ 3, TT Y, huyện Q, tỉnh H. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 103123 do UBND huyện Q, Hà Giang cấp ngày 09/12/2009 mang tên hộ ông: Nguyễn Thế A.

- 01 Nhà xây cấp 4 được xây trên diện tích đất 103,5m² thửa số 65, tờ bản đồ số: Quy hoạch chi tiết khu dân cư A lô 2 TT huyện lỵ, địa chỉ: Tổ 3, TT Y, huyện Q, tỉnh H.

* Anh Nguyễn Thế A là người sử dụng, định đoạt khối tài sản gồm:

- 01 ô tô 5 chỗ, loại xe S5. Biển kiểm soát: 23A- 024.87, mang tên Nguyễn Thế A.

* Về công nợ: anh Nguyễn Thế A có trách nhiệm trả số tiền 150.000.000^d (Một trăm năm mươi triệu đồng) cho ông Nguyễn Hữu M (bố đẻ anh Nguyễn Thế A), sinh năm 1958, trú tại: Tổ 3, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang

d. Về án phí: Chị Nông Thị V chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 03531 ngày 15/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Hà Giang. Chị V được hoàn trả lại số tiền chênh lệch đã nộp là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. Ngoài ra, người có quyền lợi có liên quan trong quá trình thi hành án có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 7b Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Q;
- CCTHADS huyện Q;
- UBND thị trấn V, huyện B
(nơi đã thực hiện việc đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP, AV.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hải Phương

